UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
SỞ TƯ PHÁP

HỒ SƠ MẪU

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LĨNH VỰC THỪA HÀNH VIÊN

Thành phố Đồng Nai, 2026

1. Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008921

a) Trình tự thực hiện

- Người yêu cầu công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên lập 01 bộ hồ sơ và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi người yêu cầu thường trú hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Sau khi nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi người yêu cầu thường trú hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;

- Chứng chỉ hoặc văn bằng kèm theo phụ lục văn bằng, bảng kết quả học tập do cơ quan, tổ chức nước ngoài có thẩm quyền cấp.

Giấy tờ quy định là bản chính hoặc bản sao hoặc bản sao điện tử đã được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, được dịch ra tiếng Việt và bản dịch tiếng Việt phải được chứng thực chữ ký người dịch.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên của Sở Tư pháp.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên.

i) Lệ phí: Không.

k) Mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số TP-THV-01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số

151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người được đào tạo nghiệp vụ ở nước ngoài về các công việc Thừa hành viên được thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự có quyền yêu cầu công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 5 Điều 5);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 4);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-01
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

Ảnh

3 cm x 4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN TƯƠNG ĐƯƠNG ĐÀO TẠO NGHỀ THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

Tôi tên là: .....Giới tính: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ ..... Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp:.....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Đề nghị xem xét công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa hành viên ở nước

ngoài đối với văn bằng/chứng chỉ: .....

Số hiệu: .....ngày cấp: ...../...../..... nơi cấp: .....

Tôi cam đoan những thông tin trên là đúng sự thực. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(Chữ ký/chữ ký số, họ tên)

2. Bổ nhiệm Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008921

a) Trình tự thực hiện:

- Người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP lập 01 bộ hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đăng ký tập sự hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra thông tin lý lịch tư pháp của người đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên, thời gian kiểm tra không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.

- Sau khi nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh tiêu chuẩn bổ nhiệm, thông tin trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm trước khi xem xét, quyết định việc bổ nhiệm. Thời gian xác minh không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đăng ký tập sự hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;

- Xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, tổ chức về thời gian làm công tác pháp luật; bản sao hoặc bản sao điện tử quyết định bổ nhiệm Chấp hành viên đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp.

- Thời gian xác minh tiêu chuẩn bổ nhiệm không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên.

i) Phí, lệ phí: 800.000đ/hồ sơ.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TP-THV-07 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 của Nghị định số 151/2026/NĐ-CP: Công dân Việt Nam không quá 65 tuổi, thường trú tại Việt Nam, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ cử nhân luật trở lên; có thời gian công tác pháp luật ít nhất 03 năm tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật trở lên; tốt nghiệp khóa đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên hoặc được công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP; đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên; không thuộc trường hợp quy định tại Điều 9 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP;

- Người đã từng là Chấp hành viên đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại các điểm a, d và e khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 151/2026/NĐ-CP được xem xét bổ nhiệm Thừa hành viên không qua kiểm tra kết quả tập sự hành nghề Thừa hành viên.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 8);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu số TP-THV-07 Phụ lục II);

- Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Điều 2, Điều 4);

- Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại" (khoản 1, khoản 2 Điều 1);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền

hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-07
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

Ảnh

3 cm x 4 cm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Tôi tên là: .....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Đã được cấp Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại/Thừa hành viên theo Quyết định số: .....… ngày...../...../..... hoặc Quyết định bổ nhiệm Chấp hành viên số:…. ngày…/……../…….

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN BỔ NHIỆM:

Trình độ chuyên môn (Cử nhân luật trở lên): .....

Thời gian công tác pháp luật: …….

Đơn vị công tác (các đơn vị đã trải qua từ khi có bằng cử nhân luật):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Quá trình tập sự hành nghề Thừa hành viên: Tại văn phòng thi hành án dân sự ..... từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Kết quả kiểm tra tập sự hành nghề: Đạt (theo Giấy chứng nhận số ……..... cấp ngày ...../...../.....)

III. KẾT ÁN: (*Nếu đã bị kết án thì ghi đầy đủ, cụ thể tội danh, số và ngày ban hành bản án; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....

IV. XỬ LÝ KỶ LUẬT, XỬ LÝ HÀNH CHÍNH: (*Nếu có thì ghi đầy đủ, cụ thể quyết định, hình thức, thời gian bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....

V. KHEN THƯỞNG *(Nếu có thì ghi cụ thể; nếu không có thì ghi "Không có")*

.....

Tôi làm văn bản này đề nghị được bổ nhiệm Thừa hành viên.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, xác thực của các thông tin nêu trên và các giấy tờ khác đã cung cấp trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm, cam đoan thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của Thừa hành viên khi được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật.

.

....., ngày.....tháng.....năm.....
Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

3. Miễn nhiệm Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008923

a) Trình tự thực hiện

- Trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân

+ Thừa hành viên gửi trực tiếp văn bản đề nghị miễn nhiệm theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đăng ký hành nghề hoặc nơi bổ nhiệm Thừa hành viên trong trường hợp chưa đăng ký hành nghề hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

+ Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Sau khi nhận được đề nghị của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định miễn nhiệm Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trường hợp bị miễn nhiệm

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh miễn nhiệm Thừa hành viên theo đề nghị của Sở Tư pháp hoặc tự mình xem xét, quyết định việc miễn nhiệm Thừa hành viên khi có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đăng ký hành nghề hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị miễn nhiệm Thừa hành viên.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Trường hợp miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân

+ Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

- Trường hợp bị miễn nhiệm

+ Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.

+ Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tư pháp.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định miễn nhiệm Thừa hành viên.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TP-THV-08 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số

151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 11);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-08 Phụ lục II);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-08
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

ảnh

3x4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN NHIỆM THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố……..

Tôi tên là: .....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Đã được bổ nhiệm Thừa hành viên/Thừa phát lại theo Quyết định số:.....

….....ngày...../...../..... của .....

Nơi hành nghề:.....(1).....

Tôi làm văn bản này đề nghị được miễn nhiệm Thừa hành viên, lý do:

.....

Tôi xin cam đoan đã hoàn thành/bàn giao toàn bộ nghĩa vụ, công việc đang đảm nhận tại văn phòng thi hành án dân sự (nếu đang hành nghề) và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những công việc đã thực hiện trong thời gian hành nghề Thừa hành viên.

Xác nhận của Trưởng văn phòng thi hành án dân sự (2) *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	*...., ngày..... tháng..... năm.....* **Người đề nghị** *(ký và ghi rõ họ tên)*

Ghi chú:

(1) Ghi rõ tên văn phòng thi hành án dân sự trong trường hợp Thừa hành viên đã hành nghề.
(2) Trường hợp Thừa hành viên đã hành nghề thì Trưởng văn phòng thi hành án dân sự nơi hành nghề xác nhận rõ việc Thừa hành viên đã hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với văn phòng thi hành án dân sự.

4. Bổ nhiệm lại Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008924

a) Trình tự thực hiện:

- Người đề nghị bổ nhiệm lại Thừa hành viên gửi trực tiếp văn bản đề nghị bổ nhiệm lại theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đã bổ nhiệm hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra thông tin lý lịch tư pháp của người đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên, thời gian kiểm tra không tính vào thời hạn quy định tại khoản này.

- Sau khi nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản yêu cầu Sở Tư pháp, cơ quan, tổ chức có liên quan xác minh tiêu chuẩn bổ nhiệm, thông tin trong hồ sơ đề nghị bổ nhiệm trước khi xem xét, quyết định việc bổ nhiệm. Thời gian xác minh không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm Thừa hành viên.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đã bổ nhiệm hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị bổ nhiệm lại Thừa hành viên.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Đối với Sở Tư pháp: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Thừa hành viên của Sở Tư pháp.

- Thời gian xác minh không quá 30 ngày kể từ ngày có văn bản yêu cầu xác minh; và không tính vào thời hạn xem xét, quyết định bổ nhiệm lại Thừa hành viên.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh, Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định bổ nhiệm lại Thừa hành viên.

i) Phí, lệ phí: 500.000đ/hồ sơ.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số TP-THV-09 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số

151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Thừa hành viên được miễn nhiệm theo nguyện vọng cá nhân được xem xét bổ nhiệm lại Thừa hành viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.

- Người bị miễn nhiệm Thừa hành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP chỉ được xem xét bổ nhiệm lại khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP và lý do miễn nhiệm không còn, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP. Trường hợp người bị miễn nhiệm Thừa hành viên theo quy định tại các điểm c và d khoản 3 Điều 11 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP chỉ được đề nghị bổ nhiệm lại Thừa hành viên sau thời hạn 01 năm kể từ ngày quyết định miễn nhiệm Thừa hành viên có hiệu lực.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 12);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu số TP-THV-09 Phụ lục II);

- Thông tư số 05/2021/TT-BTC ngày 20/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 223/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề Thừa phát lại; phí thẩm định điều kiện thành lập, hoạt động Văn phòng Thừa phát lại" (khoản 1, khoản 2 Điều 1);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-09
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

ảnh

3x4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM LẠI THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Tôi tên là: .....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Đã được bổ nhiệm Thừa phát lại/Thừa hành viên theo Quyết định số: ..... ngày ...../...../....., miễn nhiệm Thừa phát lại/Thừa hành viên theo Quyết định số:……..... ngày ...../...../..... của …….. (lý do miễn nhiệm .....(1) .....)

Lý do không đăng ký hành nghề/không hành nghề Thừa phát lại/Thừa hành viên liên tục .....(2).....

II. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC, LÀM VIỆC (từ khi được bổ nhiệm Thừa phát lại/Thừa hành viên đến nay):

Thời gian *(từ ..../.../... đến .../.../...)*	**Chức danh, chức vụ, công việc được giao**	**Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị**

III. KẾT ÁN (từ khi được bổ nhiệm Thừa phát lại/Thừa hành viên đến nay): (*Nếu đã bị kết án thì ghi đầy đủ, cụ thể tội danh, số và ngày ban hành bản án; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....

IV. XỬ LÝ KỶ LUẬT, XỬ LÝ HÀNH CHÍNH (từ khi được bổ nhiệm Thừa phát lại/Thừa hành viên đến nay): (*Nếu có thì ghi đầy đủ, cụ thể quyết định, hình thức, thời gian bị xử lý kỷ luật, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính; nếu không có thì ghi "Không có"*)

.....

V. KHEN THƯỞNG *(Nếu có thì ghi cụ thể; nếu không có thì ghi "Không có")*

.....

Tôi làm văn bản này đề nghị được bổ nhiệm lại Thừa hành viên tại .....

.....

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên là đúng sự thật và cam đoan thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm của Thừa hành viên theo quy định của pháp luật khi được bổ nhiệm lại.

...., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

(1) Ghi rõ lý do miễn nhiệm Thừa hành viên.

(2) Ghi rõ đối với trường hợp quy định tại các điểm b khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 151/2026/NĐ-CP.

5. Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008925

a) Trình tự thực hiện:

- Người có giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên hoặc quyết định công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên gửi trực tiếp văn bản đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi văn phòng thi hành án dân sự nhận tập sự đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cập nhật thông tin người đăng ký tập sự vào cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên. Trường hợp không thể thực hiện cập nhật theo quy định tại khoản này thì Sở Tư pháp có thông báo ngay bằng văn bản về việc tập sự cho văn phòng thi hành án dân sự nơi nhận tập sự và người tập sự.

b) Cách thức thực hiện:

Hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi văn phòng thi hành án dân sự nhận tập sự đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin người đăng ký tập sự được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên. Trường hợp không thể thực hiện cập nhật theo quy định thì có văn bản về việc tập sự cho văn phòng thi hành án dân sự nơi nhận tập sự và người tập sự.

i) Phí, lệ phí: không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TP-THV-02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Người thuộc một trong các trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 9 Nghị định số 151/2026/NĐ-CP không được đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 6);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-02 Phụ lục II);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-02
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐĂNG KÝ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp.....

Tôi tên là: .....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Đã được cấp chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại/nghiệp vụ Thừa hành viên/Quyết định công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên ở nước ngoài số..... ngày..... tháng..... năm…….

Tôi đã liên hệ tập sự tại văn phòng thi hành án dân sự .....

Địa chỉ trụ sở: . .....

.....

Thời gian tập sự từ ngày…. tháng…. năm……. đến ngày…. tháng…. năm….

Tôi cam đoan không thuộc trường hợp không được đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên, chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề Thừa hành viên.

Xác nhận của Trưởng văn phòng thi hành án dân sự (1) *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	*....., ngày... tháng... năm...* **Người đề nghị** *(ký, ghi rõ họ tên)*

Ghi chú: (1) Xác nhận về việc nhận tập sự và phân công Thừa hành viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự theo quy định.

6. Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008926

a) Trình tự thực hiện:

- Người tập sự gửi văn bản đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

- Đối với trường hợp thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên trong cùng một tỉnh, thành phố: Sở Tư pháp cập nhật thông tin thay đổi nơi tập sự vào cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên. Trường hợp không thể thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm này thì Sở Tư pháp có thông báo ngay bằng văn bản về việc thay đổi nơi tập sự cho văn phòng thi hành án dân sự nơi nhận tập sự mới và người tập sự.

- Đối với trường hợp thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên sang tỉnh, thành phố khác: Sở Tư pháp cập nhật thông tin thay đổi nơi tập sự vào cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên. Trường hợp không thể thực hiện cập nhật theo quy định tại điểm này thì Sở Tư pháp nơi văn phòng thi hành án dân sự nhận tập sự mới đặt trụ sở có thông báo ngay bằng văn bản về việc thay đổi nơi tập sự cho văn phòng thi hành án dân sự nơi nhận tập sự mới và người tập sự.

b) Cách thức thực hiện:

- Đối với trường hợp thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên trong cùng một tỉnh, thành phố: hồ sơ được gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đã đăng ký tập sự hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đối với trường hợp thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên sang tỉnh, thành phố khác: hồ sơ được gửi trực tiếp văn bản đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đã đăng ký tập sự và nơi đăng ký tập sự mới hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ: Văn bản đề nghị thay đổi nơi tập sự theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận văn bản đề nghị thay đổi nơi tập sự.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông tin thay đổi nơi tập sự được cập nhật vào cơ sở dữ liệu tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên.

Trường hợp không thể thực hiện cập nhật thì có văn bản thông báo về việc thay đổi nơi tập sự.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TP-THV-03 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 2 Điều 6);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Điều 11; Mẫu TP-THV-03 Phụ lục II);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-03
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI NƠI TẬP SỰ HÀNH NGHỀ THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp.....(1).....

Tôi tên là: .....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Hiện đang tập sự tại văn phòng thi hành án dân sự .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Thời gian tập sự từ ngày…. tháng…. năm…. đến ngày…. tháng…. năm .....

Văn phòng thi hành án dân sự chuyển đến tập sự: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Lý do đề nghị thay đổi nơi tập sự: .....(2) .....

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của người tập sự hành nghề Thừa hành viên.

....., ngày..... tháng..... năm...
Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của Trưởng văn phòng thi hành án dân sự đang tập sự (3) *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*	**Xác nhận của Trưởng văn phòng thi hành án dân sự chuyển đến tập sự** (4) *(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Ghi chú:

(1) Sở Tư pháp nơi đã đăng ký tập sự và Sở Tư pháp nơi đăng ký tập sự mới trong trường hợp thay đổi nơi đăng ký tập sự sang tỉnh/thành phố khác.

(2) Ghi rõ lý do thuộc trường hợp nào quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 08/2026/TT-BTP.

(3) Xác nhận về thời gian, kết quả tập sự của người tập sự tại văn phòng.

(4) Xác nhận về việc nhận tập sự và phân công Thừa hành viên đủ điều kiện hướng dẫn tập sự áp dụng đối với trường hợp thay đổi nơi tập sự trong cùng một tỉnh, thành phố.

7. Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008927

a) Trình tự thực hiện:

- Văn phòng thi hành án dân sự lập 01 bộ hồ sơ đăng ký hành nghề, đề nghị cấp Thẻ Thừa hành viên của văn phòng mình và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi văn phòng thi hành án dân sự đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Sở Tư pháp cấp Thẻ Thừa hành viên, cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên và đăng tải công khai danh sách Thừa hành viên hành nghề trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Văn phòng thi hành án dân *sự* gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đăng ký hành nghề và đề nghị cấp Thẻ Thừa hành viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;

- 01 ảnh chân dung của Thừa hành viên cỡ 02 cm x 03 cm hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm (trong trường hợp thực hiện trực tuyến trên môi trường số) chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng thi hành án dân sự.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Thừa hành viên được cấp, cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tổ chức và hoạt động của Thừa hành viên và đăng tải công khai danh sách Thừa hành viên hành nghề trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TP-THV-10 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 1, 2 và 3 Điều 13);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của

Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-10 Phụ lục II);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-10
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ VÀ CẤP THẺ THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp.....

Văn phòng thi hành án dân sự *(ghi tên bằng chữ in hoa)*: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Đề nghị Sở Tư pháp đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa hành viên đối với:

1. Danh sách Thừa hành viên đề nghị cấp Thẻ lần đầu:

STT	**Họ và tên**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Quyết định bổ nhiệm/bổ nhiệm lại Thừa phát lại/Thừa hành viên**
1			
2			
…			

2. Danh sách Thừa hành viên đề nghị cấp Thẻ do thay đổi nơi hành nghề:

STT	**Họ và tên**	**Ngày, tháng, năm sinh**	**Quyết định bổ nhiệm/bổ nhiệm lại Thừa phát lại/Thừa hành viên**	**Thẻ đã được cấp** (*số thẻ; ngày, tháng, năm cấp; nơi hành nghề*)
1				
2				
…				

(Gửi kèm theo văn bản này là Thẻ Thừa phát lại/Thừa hành viên đã được cấp theo danh sách tại mục 2)

...., ngày..... tháng..... năm.....
Trưởng văn phòng thi hành án dân sự
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

8. Cấp lại Thẻ Thừa hành viên. Mã TTHC: 1.008928

a) Trình tự thực hiện:

- Văn phòng thi hành án dân sự lập hồ sơ đề nghị cấp lại Thẻ cho Thừa hành viên của văn phòng.

- Sở Tư pháp cấp lại Thẻ Thừa hành viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

b) Cách thức thực hiện: Hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở của văn phòng thi hành án dân sự hoặc trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

c) Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị cấp lại Thẻ Thừa hành viên theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định;

- 01 ảnh chân dung của Thừa hành viên cỡ 02 cm x 03 cm hoặc bản điện tử ảnh màu cỡ 02 cm x 03 cm (trong trường hợp thực hiện trực tuyến trên môi trường số) chụp không quá 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ.

d) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng thi hành án dân sự.

g) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Tư pháp.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Thừa hành viên vật lý được cấp.

i) Phí, lệ phí: Không.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu TP-THV-11 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Thẻ Thừa hành viên vật lý bị mất hoặc bị hỏng.

m) Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Khoản 4 Điều 13);

- Thông tư số 08/2026/TT-BTP ngày 16/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 151/2026/NĐ-CP ngày 13/5/2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên (Mẫu TP-THV-11 Phụ lục II);

- Thông tư số 09/2025/TT-BTP ngày 16/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trong lĩnh vực tư pháp (Điều 7).

TP-THV-11
(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2026/TT-BTP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ

CẤP LẠI THẺ THỪA HÀNH VIÊN

Kính gửi: Sở Tư pháp……

Tôi tên là: .....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh: ...../ ...../ .....Quốc tịch: .....

Số Thẻ Căn cước công dân/Số Thẻ Căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

(đối với Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước)

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email *(nếu có)*: .....

Hiện đang hành nghề Thừa hành viên tại văn phòng thi hành án dân sự .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Đã được cấp Thẻ Thừa phát lại/Thừa hành viên số: ..... Ngày cấp: ...../...../.....

Lý do đề nghị cấp lại Thẻ Thừa hành viên: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về những nội dung nêu trên và cam đoan thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của Thừa hành viên theo quy định của pháp luật.

Xác nhận của Trưởng văn phòng thi hành án dân sự về việc Thừa hành viên đang hành nghề tại văn phòng
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

...., ngày..... tháng..... năm.....
Người đề nghị
(ký, ghi rõ họ tên)